TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH THANH HÓA

Số:106/2017/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

D, ngày 28 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 140/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị A – Sinh năm 1992
Địa chỉ: Làng C, xã C, huyện D, tỉnh Thanh hóa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn B – Sinh năm 1991
Địa chỉ: Làng C, xã C, huyện D, tỉnh Thanh hóa.

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2017

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị A – Sinh năm 1992
Địa chỉ: Làng C, xã C, huyện D, tỉnh Thanh hóa.

Anh Phạm Văn B – Sinh năm 1991
Địa chỉ: Làng C, xã C, huyện D, tỉnh Thanh hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị A và anh Phạm Văn B.

Về con chung: Anh Phạm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Cẩm E – Sinh ngày 21/8/2011 và cháu Phạm Thị Trúc F – Sinh ngày 22/6/2013 là con chung của chị A, anh B. Chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (1.000.000đ/cháu). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2017 cho đến khi các cháu thành niên.

Chị A có quyền thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí:

- Chị Lê Thị A chịu là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ*(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2015/0003923 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Thanh Hóa. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- UBND xã C;
- VKSND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Lâm